TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 09/2025/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 26 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Viết Anh.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên họp: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 27/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc:*"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 27/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lê Thị T, sinh năm 1983.

ĐKHKTT: thôn H, xã B, huyện L, tỉnh V.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

- Anh Vũ Văn D, sinh năm 1983.

ĐKHKTT: thôn H, xã B, huyện L, tỉnh V.

Hiện đang làm việc tại: Công ty TNHH truyền thông và sự kiện Phú Hưng.

Địa chỉ: khu 2, xã T, thành phố V, tỉnh P.

(Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai tiếp theo, chị Lê Thị T và anh Vũ Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị T và anh Vũ Văn D đăng ký kết hôn trên

cơ sở tự nguyện tìm hiểu ngày 25/02/2004 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh V. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2018 chị T đi lao động ở nước ngoài, từ đó đến nay giữa hai vợ chồng anh chị thường xuyên nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không thành. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được nên chị Lê Thị T và anh Vũ Văn D thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: chị Lê Thị T và anh Vũ Văn D có 03 con chung là cháu Vũ Thị C, sinh ngày 26/8/2004; cháu Vũ Thị Mỹ X, sinh ngày 20/12/2007 và cháu Vũ Thành Đ, sinh ngày 02/7/2013. Hiện nay cháu C đã thành niên, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị T và anh D thống nhất thỏa thuận giao 02 cháu X và cháu Đ cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: chị T và anh D thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị Lê Thị T và anh Vũ Văn D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: chị Lê Thị T và anh Vũ Văn D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: chị Lê Thị T và anh Vũ Văn D thống nhất chị Lê Thị T chịu toàn bộ.

Chị Lê Thị T và anh Vũ Văn D đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh chị.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Viện kiểm sát đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Vũ Văn D; Về con chung: giao cháu Vũ Thị Mỹ X, sinh ngày 20/12/2007 và cháu Vũ Thành Đ, sinh ngày 02/7/2013 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: chị Lê Thị T chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P, Tòa án nhân dân tỉnh P nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Vũ Văn

D là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được nên chị Lê Thị T và anh Vũ Văn D đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do đó, việc chị Lê Thị T và anh Vũ Văn D thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Trong hồ sơ thể hiện Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 15/01/2025 do chị Lê Thị T gửi từ nước ngoài về Việt Nam đã được Văn phòng kinh tế - văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc chứng thực. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về con chung: chị Lê Thị T và anh Vũ Văn D có 03 con chung là cháu Vũ Thị C, sinh ngày 26/8/2004; cháu Vũ Thị Mỹ X, sinh ngày 20/12/2007 và cháu Vũ Thành Đ, sinh ngày 02/7/2013. Cháu C hiện tại đã thành niên, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị T và anh D thống nhất thỏa thuận giao 02 cháu X và cháu Đ cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn. Xét thấy, cháu C hiện đã thành niên, đủ khả năng lao động tự túc nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Tại đơn trình bày nguyện vọng của mình cả cháu X và cháu Đ đều thể hiện có mong muốn được ở cùng với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Do vậy thỏa thuận của chị T, anh D phù hợp nguyện vọng của các con chung và phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T và anh D thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: chị Lê Thị T và anh Vũ Văn D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về công nợ chung: chị Lê Thị T và anh Vũ Văn D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: chị Lê Thị T phải chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Vũ Văn D.

[2] Về con chung: giao cháu Vũ Thị Mỹ X, sinh ngày 20/12/2007 và cháu Vũ Thành Đ, sinh ngày 02/7/2013 cho anh Vũ Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Lê Thị T và anh Vũ Văn D thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: chị Lê Thị T và anh Vũ Văn D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về công nợ chung: chị Lê Thị T và anh Vũ Văn D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Xác nhận chị Lê Thị T (do anh Đặng Hồng Sơn nộp thay) đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0000527 ngày 06/3/2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

[6] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã B
- Lưu: AV, HS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Viết Anh